

Số: 89/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật
Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án
phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 51/2026/TLST-HNGĐ
ngày 28 tháng 01 năm 2026 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận
nuôi con chung*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn Hữu H**, sinh ngày 26/01/1997; Địa chỉ: Kiệt C, tổ A thôn C,
phường H, thành phố Đà Nẵng.

- Bà **Phan Thị H1**, sinh ngày: 17/72000; Địa chỉ: 7 P, tổ I, phường S, thành phố
Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1 kết hôn trên cơ
sở tự nguyện, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng
vào ngày 11/02/2020, là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự cho thấy quá trình
chung sống giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1 có phát sinh nhiều mâu thuẫn.
Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã sống ly thân 06
năm. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Việc ông Nguyễn
Hữu H và bà Phan Thị H1 yêu cầu được thuận tình ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù
hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần công nhận yêu cầu

thuận tình ly hôn của ông bà.

[2]. Về con chung: Ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1 xác định có 01 con chung là Nguyễn Phan Phương A, sinh ngày 19/03/2020. Khi ly hôn, ông bà thỏa thuận giao con chung cho bà Phan Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Ông Nguyễn Hữu H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc thỏa thuận nuôi con của ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1 là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần công nhận sự thỏa thuận của ông bà.

[3]. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1 xác định không có tài sản chung nên không đề cập giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1 xác định không có nợ chung nên không xem xét.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Căn cứ khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1 phải chịu mỗi người 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.2. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1 (Giấy chứng nhận kết hôn số 21 do Ủy ban nhân dân phường T, quận S (nay là Ủy ban nhân dân phường S), thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/02/2020 không còn giá trị pháp lý).

1.2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa bà Phan Thị H1 và ông Nguyễn Hữu H về việc nuôi con chung như sau: Giao con chung là Nguyễn Phan Phương A, sinh ngày 19/03/2020 cho bà Phan Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên. Ông Nguyễn Hữu H không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1 xác định không có tài sản chung.

1.4. Về các vấn đề khác: Ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1 xác định không có nợ chung.

1.5. Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1 phải chịu mỗi người 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) ông Nguyễn Hữu H và bà Phan Thị H1 đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng theo biên lai thu số 0001000 ngày 28 tháng 01 năm 2026.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- UBND phường Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thúy Hằng